

Bản án số: 145/2021/DS-PT

Ngày: 16-4-2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Mai Hoàng Khải**.

*Các Thẩm phán:*

Ông **Lê Thanh Vân**.

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Lê Văn Giang**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 372/2020/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 96/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V;**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D**, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Bút lục 97)

Trụ sở chính: 89 L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Thành Tr**, chức vụ: Phó Giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ. (Bút lục 99)

(Theo văn bản ủy quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần V).

Địa chỉ liên hệ: Số 6 L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

Người được ủy quyền lại: Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1993. Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (có mặt). (Bút lục 100)

(Theo văn bản ủy quyền số 83321/2020/UQ-VPB ngày 27/5/2020)

Địa chỉ liên hệ: Số 6 L, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hương D**, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: bị đơn bà **Nguyễn Thị Hương D**.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm:

\* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đại diện theo pháp luật ông Ngô Chí D, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện theo ủy quyền ông Đỗ Thành Tr, chức vụ Phó Giám đốc Khối pháp chế và Kiểm soát tuân thủ - Ngân hàng Thương mại cổ phần V, người được ủy quyền lại ông Phan Văn D trình bày:

- Ngày 20/4/2017, bà Nguyễn Thị Hương D có ký hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐTD với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Tiền Giang, giải ngân ngày 20/4/2017, vay số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 tháng, với lãi suất cho vay thả nổi: tại thời điểm giải ngân là 13%/năm, và sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm, mục đích vay: tiêu dùng. Phương thức trả nợ: vốn và lãi trả đều hàng tháng, trong vòng 120 tháng (vào ngày 21 hàng tháng), kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 21/5/2017.

Để được vay vốn tại Ngân hàng, bà D dùng tài sản sau đây để thế chấp, bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận số BT 877807, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH01484 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/11/2014, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng ngày 30/10/2015. Theo Hợp đồng thế chấp số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017.

Việc thế chấp được công chứng chứng thực và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi đã nhận đủ số tiền như trong hợp đồng, bà D có trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 74.993.569 đồng (gốc là 34.009.000 đồng, lãi là 40.984.569 đồng). Kể từ ngày 24/8/2019 cho đến nay bà D không thanh toán cho Ngân hàng thêm bất cứ khoản nào mặc dù Ngân hàng có nhắc nhở, yêu cầu thanh toán. Do bà D không thực hiện đúng như hợp đồng, trễ hạn thanh toán đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương D phải thanh lý hợp đồng trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu tính từ ngày 24/8/2019 đến ngày 12/11/2020 với số tiền là 129.208.709 đồng (trong đó nợ gốc là 103.657.000 đồng và nợ lãi là 25.551.709 đồng).

- Ngày 25/11/2016, bà Nguyễn Thị Hương D có ký hợp đồng tín dụng số 10527661 với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Tiền Giang, giải ngân ngày

25/11/2016, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, với lãi suất 32,5%/năm, mục đích vay: tiêu dùng. Phương thức trả nợ: vốn và lãi trả đều hàng tháng, trong vòng 36 tháng.

Sau khi đã nhận đủ số tiền như trong hợp đồng thì bà D có trả cho Ngân hàng được tổng số tiền là 148.254.712 đồng (gốc là 91.580.355 đồng, lãi là 56.674.357 đồng).

Kể từ ngày 25/8/2019 cho đến nay bà D không thanh toán cho Ngân hàng thêm bất cứ khoản nào mặc dù Ngân hàng có nhắc nhở, yêu cầu thanh toán. Do bà D không thực hiện đúng như hợp đồng, trễ hạn thanh toán đã lâu nên Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương D phải trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu tính từ ngày 25/8/2019 đến ngày 12/11/2020 với số tiền là 13.055.622 đồng (trong đó nợ gốc là 8.419.645 đồng và lãi là 4.635.977 đồng).

- Ngày 20/12/2017, bà Nguyễn Thị Hương D có ký hợp đồng thẻ tín dụng số 353-P-538820 với Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Tiền Giang, hạn mức 36.000.000 đồng, thời hạn: không thời hạn, lãi suất 35,8%/năm/số tiền thực tế khách hàng đã sử dụng tính từ khi vi phạm thời hạn (sau 45 ngày từ khi sử dụng tiền trong thẻ). Bà D đã sử dụng số tiền là 28.443.700 đồng và số tiền phí thường niên là 2.436.592 đồng, tổng cộng là 30.880.292 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã trả được 22.680.000 đồng tiền lãi. Bà D đã vi phạm trả nợ từ ngày 06/11/2018. Tính đến ngày 12/11/2020, bà D còn nợ số tiền 55.117.461 đồng (trong đó, nợ gốc là 30.880.292 đồng, nợ lãi là 24.237.169 đồng).

Nay Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương D phải thanh toán ngay cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/04/2017, hợp đồng tín dụng số 10527661 ngày 25/11/2016 và hợp đồng thẻ tín dụng số 353-P-538820 ký ngày 25/10/2017; tính đến ngày 12/11/2020 là 197.381.792 đồng (Trong đó, nợ gốc: 142.956.937 đồng, nợ lãi 54.424.855 đồng).

Yêu cầu bà Nguyễn Thị Hương D tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐ TD ngày 20/04/2017, hợp đồng tín dụng số 10527661 ngày 25/11/2016 và hợp đồng thẻ tín dụng số 353-P-538820 ký ngày 25/10/2017, kể từ ngày 13/11/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hương D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng, tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận số BT 877807 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01484 do Ủy

ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/11/2014, cập nhật, thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng ngày 30/10/2015, theo hợp đồng thế chấp số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017.

Nếu giá trị tài sản bảo đảm phát mãi không đủ thanh toán nợ thì bà D tiếp tục có nghĩa vụ trả cho VPBank cho đến khi thanh toán dứt nợ.

*\* Bị đơn bà Nguyễn Thị Hương D trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Hương D xác nhận vào ngày 20/4/2017 có ký hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐTD với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Tiền Giang, giải ngân ngày 20/4/2017, vay số tiền 140.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 tháng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất: không nhớ. Phương thức trả nợ: vốn và tiền lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 120 tháng.

Để được vay vốn tại Ngân hàng, bà D dùng tài sản sau đây để thế chấp, bảo đảm: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận số BT 877807, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH01484 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/11/2014, cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng ngày 30/10/2015, theo Hợp đồng thế chấp số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017.

Bà D đã nhận đủ số tiền như trong hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã thanh toán cho Ngân hàng được mười mấy kỳ, không nhớ chính xác là đã thanh toán cho Ngân hàng bao nhiêu tiền.

Bà Nguyễn Thị Hương D xác nhận vào ngày 25/11/2016 có ký hợp đồng tín dụng số 10527661 với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Tiền Giang, giải ngân ngày 25/11/2016, vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất: không nhớ, phương thức trả nợ: vốn và tiền lãi, trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng.

Bà D đã nhận đủ số tiền như trong hợp đồng, quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã thanh toán cho Ngân hàng được 34 kỳ, chỉ còn nợ lại vốn và lãi của 02 kỳ cuối.

Bà Nguyễn Thị Hương D xác nhận ngày 20/12/2017, có ký hợp đồng thế chấp số 353-P-538820 với Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Tiền Giang, hạn mức 36.000.000 đồng, lãi suất: không nhớ vì khi ký hợp đồng bà D không có đọc điều khoản của hợp đồng. Bà D có sử dụng quẹt thẻ để mua sắm vài lần, nhưng không xác định được đã sử dụng bao nhiêu tiền, tuy nhiên không sử dụng nhiều tiền như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, bà D đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo 03 hợp đồng: Hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/04/2017, hợp đồng tín dụng số 10527661 ngày 25/11/2016 và hợp đồng thế chấp số 353-P-538820

ký ngày 25/10/2017, với số tiền vốn gốc là 142.956.937 đồng và xin giảm bớt tiền lãi, bà chỉ đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng hiện hoàn cảnh kinh tế gia đình bà khó khăn nên xin được trả làm 3 lần cụ thể: đối với tiền vốn mỗi lần trả 47.652.312 đồng (cứ 6 tháng trả một lần số tiền 47.652.312 đồng), còn tiền lãi xin trả làm 3 lần theo các lần trả nợ gốc. Nếu phía nguyên đơn đồng ý theo yêu cầu của bà D thì bà D sẽ trả ngay cho nguyên đơn số tiền 47.652.312 đồng, số còn lại sẽ trả trong năm 2021, cứ 6 tháng trả một lần số tiền 47.652.312 đồng, còn tiền lãi xin trả làm 3 lần theo các lần trả tiền nợ gốc.

Ông Phan Văn D không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thị Hương D .

- Bản án sơ thẩm số: 372/2020/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 90, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với bà Nguyễn Thị Hương D .

Buộc bà Nguyễn Thị Hương D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 197.381.792 đồng (*Một trăm chín mươi bảy triệu ba trăm tám mươi một ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng*), trong đó, nợ gốc: 142.956.937 đồng, nợ lãi 54.424.855 đồng, theo Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/4/2017, Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 25/11/2016 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 20/12/2017. Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (13/11/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết các khoản tiền thì phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 20/4/2017, Hợp đồng tín dụng giải ngân ngày 25/11/2016 và Hợp đồng thế tín dụng ngày 20/12/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng (bà Duyên) vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Hợp đồng thế chấp tài sản số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Tiền Giang với bà Nguyễn Thị Hương D vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bà D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực

hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP V thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 9, tọa lạc ấp B , xã T , huyện C , tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận số BT 877807 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01484 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 13/11/2014, cập nhật, thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng ngày 30/10/2015.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

\* Ngày 30/11/2020, chị Nguyễn Thị Hương D là bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 372/2020/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: xem xét cho chị được trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền gốc theo 03 hợp đồng là 142.956.937 đồng và xem xét bớt tiền lãi, cụ thể chị đồng ý trả 10.000.000 đồng tiền lãi. Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn chị D xin được trả nợ gốc và lãi là: 152.956.937 đồng chia làm 3 lần, xin 6 tháng trả một lần số tiền 50.985.645 đồng cho đến khi hết số nợ 152.956.937 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, cho bị đơn trả nợ gốc làm 3 lần và giảm tiền lãi còn lại 10.000.000 đồng. Đại diện ngân hàng không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V buộc bị đơn Nguyễn Thị Hương D trả cho Ngân hàng 142.956.937 đồng tiền vốn vay và 54.424.855 đồng tiền lãi là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn kháng cáo xin trả nợ gốc 142.956.937 đồng và giảm bớt tiền lãi xuống còn 10.000.000 đồng tổng cộng 152.956.937 đồng. Chị D xin trả dần số nợ trên 6 tháng một lần 50.985.645 đồng. Yêu cầu kháng cáo của chị D hoàn toàn không có căn cứ pháp luật và không được đại diện của nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Duyên, giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Hương D thực hiện quyền kháng cáo bản án đúng các quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn ủy quyền cho Đỗ Thành Trung làm người đại diện nhưng Đỗ Thành Tr ủy quyền lại cho Phan Văn D tham gia tố tụng, việc ủy quyền được thực hiện đúng quy định tại Điều 85, 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp Hợp đồng vay tài sản là đúng với tính chất của vụ án. Do tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên thuộc thẩm quyền và phạm vi xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 351, 352 của Bộ luật Dân sự và Điều 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng Thương mại cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng VP Bank) - chi nhánh Tiền Giang có cho chị Nguyễn Thị Hương D vay các khoản tiền như sau:

Ngày 25/11/2016, chị D ký hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 10527661 vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 32,5%/năm. Sau khi vay chị D đã trả được 91.580.355 đồng vốn gốc và 56.674.357 đồng tiền lãi. Từ ngày 25/8/2019 cho đến 12/11/2020 chị D còn nợ Ngân hàng 8.419.645 đồng vốn gốc và lãi là 4.635.977 đồng tiền lãi tổng cộng 13.055.622 đồng.

Ngày 20/4/2017, chị D ký hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 13022205 vay 140.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 13%/năm. Sau khi vay chị D trả được cho Ngân hàng 34.009.000 đồng vốn gốc và 40.984.569 đồng tiền lãi. Từ ngày 24/8/2019 đến ngày 12/11/2020 chị D còn nợ Ngân hàng 103.657.000 đồng vốn gốc và 25.551.709 đồng tiền lãi tổng cộng 129.208.709 đồng.

Ngày 20/12/2017 chị D ký hợp đồng thế tín dụng số 353-P-538820 vay Ngân hàng 36.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định, lãi suất 35,8%/năm. Sau khi vay chị D đã sử dụng số tiền trong thẻ là 28.443.700 đồng và phí thường niên là 2.436.592 đồng, tổng cộng là 30.880.292 đồng. Quá trình sử dụng tiền ghi trong hợp đồng chị D đã trả được 22.680.000 đồng sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính từ ngày 06/11/2018 đến ngày 12/11/2020, chị D còn nợ 55.117.461 đồng gồm 30.880.292 đồng vốn gốc, 24.237.169 đồng tiền lãi.

Theo hợp đồng vay số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017 thì chị D có thể chấp tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài

sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 469, tờ bản đồ số 9 được UBND huyện C , tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận số BT 877807, sổ vào sổ CH01484 ngày 13/11/2014 cho chị Nguyễn Thị Hương D đứng tên tại ấp B , xã T , huyện C , tỉnh Tiền Giang (đã cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng ngày 30/10/2015). (bút lục 52 -61).

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị D phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 142.956.937 đồng và 54.424.855 đồng tiền lãi của 3 hợp đồng tín dụng nói trên và tiếp tục trả nợ lãi suất quá hạn mà 2 bên đã thỏa thuận ghi trong các hợp đồng từ ngày 13/11/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp chị D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản chị D đã thế chấp để thu hồi nợ.

Chị D thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng Thương mại cổ phần V chi nhánh Tiền Giang số tiền vốn như Ngân hàng trình bày. Nay theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chị D đồng ý trả cho Ngân hàng 142.956.937 đồng vốn gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả 6 tháng một lần số tiền vốn gốc là 47.652.312 đồng và tiền lãi theo số lần trả nợ gốc.

Tòa sơ thẩm xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc chị D trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Tiền Giang 142.956.937 đồng tiền vốn và 54.424.855 đồng tiền lãi của 3 hợp đồng tín dụng. Đồng thời buộc chị D tiếp tục trả lãi phát sinh từ vốn gốc ghi trong các hợp đồng tín dụng từ ngày 13/11/2020 cho đến khi trả xong số nợ cho Ngân hàng. Trường hợp chị D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi quyền sử dụng đất đã thế chấp để thi hành án.

[4] Không đồng ý với quyết định án sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Hương D kháng cáo. Xét đơn kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của chị D nhận thấy:

Bị đơn Nguyễn Thị Hương D đã khai báo và thừa nhận tại các phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm là có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại cổ phần V số 10527661 ngày 25/11/2016 vay 100.000.000 đồng; số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017 vay 140.000.000 đồng và hợp đồng thế tín dụng số 353-P-538820 ngày 20/12/2017 vay 36.000.000 đồng. Tính đến ngày 12/11/2020 thì chị còn nợ các khoản vay của Ngân hàng tổng cộng 142.956.937 đồng tiền vốn như Ngân hàng đã nêu. Do chị D đã thừa nhận còn nợ 142.956.937 đồng vốn gốc như Ngân hàng yêu cầu trả nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự không cần phải chứng minh thêm.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của chị D xin Ngân hàng giảm tiền lãi xuống còn 10.000.000 đồng và cho chị trả nợ dần thì người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V không đồng ý và tòa án cũng không có căn cứ chấp nhận



được. Bởi lẽ theo hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017 ghi số tiền vay 140.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay mua sắm tiêu dùng, lãi suất thả nổi nhưng tại thời điểm giải ngân 13%/năm, nếu chậm trả quá hạn thì bằng 150% mức lãi suất trong hạn (Điều 2). Trường hợp vi phạm thời hạn thanh toán thì Ngân hàng có quyền thu hồi toàn bộ nợ trước hạn (Điều 4) (Bút lục 83 – 84).

Tại giấy đăng ký kiêm hợp đồng vay mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 16/11/2016 chị Nguyễn Thị Hương D đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần V cho chị vay 100.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng lãi suất 32%/năm. Đề nghị của chị D đã được lãnh đạo Ngân hàng VBBank chi nhánh Tiền Giang duyệt chấp nhận (bút lục 76). Khi ký giấy đề nghị chị D đã ký tên và cam kết như sau:

“Bằng việc ký tên dưới đây. Tôi xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý tuân thủ các điều khoản và điều kiện tại Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ của VPBank. Điều khoản và điều kiện về sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử, cam kết tuân thủ và chịu sự ràng buộc bởi các quy định của VPBank liên quan đến các chương trình sản phẩm ưu đãi” (bút lục 77). Nội dung cam kết trên liên quan và chịu sự ràng buộc Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân của VPBank. Tại Điều 2 Bộ điều khoản quy định:

“1/ Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được VPBank và khách hàng thỏa thuận và ghi trong xác nhận chấp thuận cho vay của VPBank”.

“3/ Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn”(bút lục 71).

Và tại giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay, mở và sử dụng tài sản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 25/10/2017 chị D đề nghị Ngân hàng VPBank cho chị vay 36.000.000 đồng thời hạn vay 36 tháng lãi suất 32% phương thức trả nợ NIÊN KIM ĐIỀU. Yêu cầu của chị cũng được lãnh đạo VPBank chi nhánh Tiền Giang xét duyệt chấp thuận kèm theo nội dung cam kết như hợp đồng vay ngày 16/11/2016 giữa chị D với VPBank (bút lục 77,78).

Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Tại Thông tư số 12/2020/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng, Ngân hàng Nhà nước không ấn định mức lãi suất” và tại khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định ” Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá

hạn do tổ chức tín dụng ấn định và thỏa thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng nhưng không vượt quá 150% mức lãi suất cho vay trong hạn”.

Về lãi suất: Ngân hàng VPBank căn cứ vào các quy định nêu trên đã ban hành Quyết định số 901/2015/QĐ-TGD ngày 07/12/2015, Quyết định số 746/2016/QĐ-TGD ngày 07/9/2016, Quyết định số 256/2018/QĐ-TGD ngày 05/4/2018 và Quyết định số 134/2016/QĐ-TGD ngày 24/02/2016 để quy định về lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn.

Theo Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân mở và sử dụng tài khoản thanh toán thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử do VPBank ban hành là một phần của các hợp đồng tín dụng do chị D đề nghị và cam kết được Ngân hàng chấp thuận đã ghi: lãi suất điều chỉnh theo lãi suất cho vay do VPBank quy định từng thời kỳ. Còn lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Do sau khi vay chị D vi phạm các nội dung chị đã thỏa thuận và cam kết với VPBank nên VPBank khởi kiện yêu cầu chị D trả ngay số vốn và tiền lãi phát sinh nợ quá hạn như đại diện của Ngân hàng VPBank đã trình bày được tòa sơ thẩm xử chấp nhận là có cơ sở nên vẫn giữ nguyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Duyên. Tuy nhiên quyết định án sơ thẩm tuyên không rành mạch từng khoản vay và quy định về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng của chị D còn dài dòng và khó hiểu nên cần chỉnh sửa tách bạch từng khoản vay thật cụ thể để thi hành án.

[6] Về án phí: chị D phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án gồm 9.869.089 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Xét nội dung phân tích nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hương D . Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 372/2020/DS-ST ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 85, 86 khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 351, Điều 352, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 94, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

## **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Tiền Giang.

Buộc chị Nguyễn Thị Hương D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Tiền Giang các khoản nợ vay của các hợp đồng tín dụng như sau:

1.1. Trả 8.419.645 đồng vốn gốc và 4.635.977 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 10527661 ngày 25/11/2016 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 13/11/2020 cho đến khi trả hết số nợ còn lại trong hợp đồng.

1.2. Trả 103.657.000 đồng vốn gốc và 25.551.709 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nói trên từ ngày 13/11/2020 cho đến khi trả hết số nợ còn lại trong hợp đồng.

1.3. Trả 30.880.292 đồng vốn gốc và 24.237.169 đồng tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 353-P-538820 ngày 20/12/2017 và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng thẻ tín dụng nói trên từ ngày 13/11/2020 cho đến khi trả hết số nợ còn lại trong hợp đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị D chậm thi hành thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng số 13022205/TGG/HĐTD ngày 20/4/2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Tiền Giang với chị Nguyễn Thị Hương D đối với quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 469 tờ bản đồ số 9 do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận số BT877807 số vào sổ CH01484 ngày 13/11/2014 cho chị D đứng tên tại ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang được cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng ngày 30/10/2015 để thi hành án các khoản nợ kể trên.

## **2. Về án phí:**

- Chị Nguyễn Thị Hương D phải chịu 9.869.089 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần V - Chi nhánh Tiền Giang 4.204.150 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003819 ngày 09/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Hương D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004476 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Hoàng Khải**